

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 31/10/2019.

V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đới Văn Học.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Phúc.

Ông Nguyễn Văn Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Thu Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh tham gia phiên tòa: Bà My La – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2019/TLST- HNGĐ ngày 12/4/2019 về việc: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/10/2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T; sinh năm 1992.
Địa chỉ: Số 215 thôn H, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành L; sinh năm 1987.
Địa chỉ: Số 339 thôn H, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bà T và ông L vắng mặt tại phiên tòa và cố đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai, bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà và ông L tự nguyện kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cãi nhau. Từ tháng 8/2018 đến nay đã sống ly thân. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thành C, sinh ngày 09/3/2013, hiện đang sống với bà. Khi ly hôn bà xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung; Tài sản cho vay chung và tài sản nợ chung không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Theo lời khai, lời trình bày, ông Nguyễn Thành L trình bày: Công nhận lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản như trên là đúng. Vợ chồng mâu thuẫn và đã sống ly thân, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Khi ly hôn ông đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thành C cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Vợ chồng không có tài sản chung, tài sản cho vay chung và tài sản nợ chung không có, khi ly hôn không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà T, xử cho bà T được ly hôn ông L; về con chung, giao con chung tên Nguyễn Thành C, sinh ngày 09/3/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con; bà T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Thanh T là nguyên đơn và ông Nguyễn Thành L là bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông L tự nguyện kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cãi nhau. Từ tháng 8/2018 đến nay đã sống ly thân, bà T xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, ông L cũng đồng ý ly hôn nhưng lại không đến Tòa để hòa giải, tại phiên tòa hôm nay lại vắng mặt. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T xin ly hôn. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử cho bà T được ly hôn ông L là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thành C, sinh ngày 09/3/2013, hiện đang sống với bà T. Khi ly hôn bà T xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con. Xét quyền lợi mọi mặt của con, khả năng nuôi dưỡng con và để ổn định cuộc sống cho con. Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 và 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Giao con chung tên Nguyễn Thành C, sinh ngày 09/3/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông L

không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được ngăn cản là phù hợp.

[4] Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung; Tài sản cho vay chung và tài sản nợ chung không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản nên không đề cập giải quyết về tài sản là phù hợp.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bà T phải chịu 300.000đ án phí DSST xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 51, Điều 56, Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn ông Nguyễn Thành L.

2) Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thành C, sinh ngày 09/3/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên. Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

3) Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0009495 ngày 12/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh (Bà T đã nộp đủ án phí).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và

Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Các đương sự (để thi hành)
- Chi cục THADS Di Linh;
- UBND xã Tam Bó;
- Lưu hồ sơ; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đới Văn Học